名古屋市営バス　大森営業所　所属車両リスト

局番	車台形式	購入年月	配置営業所																									局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
			H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	R5.1	R6.4	R7.3							
NH-262	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製			大森																								NH-262	2632	Jbus	MT	○			
NH-263	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製			大森																								NH-263	2675	Jbus	MT	○			
NH-316	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製					大森																						NH-316	2850	Jbus	MT	○	○		
NH-317	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製					大森																						NH-317	2860	Jbus	MT	○	○		
NH-318	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製					大森																						NH-318	2861	Jbus	MT	○	○		
NH-319	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製					大森																						NH-319	2884	Jbus	MT	○	○		貸切(H30～)
NKH-38	LKG-KV234N3	H23 2	新製					大森																						NKH-38	2902	Jbus	MT	○	○		基幹2
NKH-39	LKG-KV234N3	H23 2	新製					大森																						NKH-39	2906	Jbus	MT	○	○		基幹2
NKH-50	LKG-KV234N3	H23 2	新製					大森																						NKH-50	2910	Jbus	MT	○	○		基幹2
NKH-51	LKG-KV234N3	H23 2	新製					大森																						NKH-51	2914	Jbus	MT	○	○		基幹2
NKH-52	LKG-KV234N3	H23 2	新製					大森																						NKH-52	2920	Jbus	MT	○	○		基幹2
NKH-53	LKG-KV234N3	H23 2	新製					大森																						NKH-53	2921	Jbus	MT	○	○		基幹2
NKH-54	LKG-KV234N3	H23 2	新製					大森																						NKH-54	2923	Jbus	MT	○	○		基幹2
NF-88	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			大森																								NF-88	2403	MBM	MT	○			
NF-89	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			大森																								NF-89	2404	MBM	MT	○			
NF-90	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			大森																								NF-90	2430	MBM	MT	○			
NF-91	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			大森																								NF-91	2431	MBM	MT	○			
NF-92	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			大森																								NF-92	2452	MBM	MT	○			
NF-93	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			大森																								NF-93	2453	MBM	MT	○			
NF-94	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			大森																								NF-94	2469	MBM	MT	○			
NF-95	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			大森																								NF-95	2470	MBM	MT	○			
NF-96	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			大森																								NF-96	2479	MBM	MT	○			
NF-97	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			大森																								NF-97	2480	MBM	MT	○			
NF-469	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																								大森			NF-469	4571	MBM	AT	○	○		
NF-470	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																								大森			NF-470	4581	MBM	AT	○	○		
NF-471	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																								大森			NF-471	4596	MBM	AT	○	○		
NF-472	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																								大森			NF-472	4608	MBM	AT	○	○		
NF-473	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																								大森			NF-473	4623	MBM	AT	○	○		
NF-566	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-566	4681	MBM	AT	○	○		
NF-567	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-567	4686	MBM	AT	○	○		
NF-568	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-568	4702	MBM	AT	○	○		
NF-569	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-569	4710	MBM	AT	○	○		
NF-570	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-570	4737	MBM	AT	○	○		
NF-571	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-571	4741	MBM	AT	○	○		
NF-572	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-572	4760	MBM	AT	○	○		
NF-573	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-573	4765	MBM	AT	○	○		
NF-574	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-574	4771	MBM	AT	○	○		

局番	車台形式	購入年月	配置営業所																									局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
			H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	R5.1	R6.4	R7.3							
NF-575	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-575	4794	MBM	AT	○	○		
NF-576	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-576	4803	MBM	AT	○	○		
NF-577	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-577	4815	MBM	AT	○	○		
NF-578	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-578	4820	MBM	AT	○	○		
NF-579	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-579	4830	MBM	AT	○	○		
NF-580	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									大森		NF-580	4840	MBM	AT	○	○		
NF-660	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NF-660	4921	MBM	AT	○	○		
NF-661	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NF-661	4953	MBM	AT	○	○		
NF-662	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NF-662	4982	MBM	AT	○	○		
NF-663	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NF-663	5003	MBM	AT	○	○		
NF-664	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NF-664	5015	MBM	AT	○	○		
NF-665	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NF-665	5045	MBM	AT	○	○		
NKF-62	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NKF-62	4932	MBM	AT	○	○		基幹2
NKF-63	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NKF-63	4944	MBM	AT	○	○		基幹2
NKF-64	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NKF-64	4961	MBM	AT	○	○		基幹2
NKF-65	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NKF-65	4975	MBM	AT	○	○		基幹2
NKF-66	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NKF-66	4992	MBM	AT	○	○		基幹2
NKF-67	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NKF-67	5009	MBM	AT	○	○		基幹2
NKF-68	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NKF-68	5032	MBM	AT	○	○		基幹2
NKF-69	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NKF-69	5053	MBM	AT	○	○		基幹2
NKF-70	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										大森	NKF-70	5064	MBM	AT	○	○		基幹2
NS-131	PDG-LV234N2	H20 1-3	大森																											NS-131	2129	Jbus	AT	○			
NS-132	PDG-LV234N2	H20 1-3	大森																											NS-132	2130	Jbus	AT	○			
NS-133	PDG-LV234N2	H20 1-3	大森																											NS-133	2145	Jbus	AT	○			
NS-134	PDG-LV234N2	H20 1-3	大森																											NS-134	2146	Jbus	AT	○			
NS-135	PDG-LV234N2	H20 1-3	大森																											NS-135	2173	Jbus	AT	○			
NS-181	PKG-LV234N2	H20 12	新製	緑																							※大森			NS-181	2316	Jbus	MT	○			※大森移籍はR3年5月
NS-182	PKG-LV234N2	H20 12	新製	緑																							※大森			NS-182	2317	Jbus	MT	○			※大森移籍はR3年5月
NS-204	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製	大森																										NS-204	2335	Jbus	MT	○			
NS-205	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製	大森																										NS-205	2336	Jbus	MT	○			
NS-206	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製	大森																										NS-206	2357	Jbus	MT	○			
NS-207	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製	大森																										NS-207	2358	Jbus	MT	○			
NS-208	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製	大森																										NS-208	2374	Jbus	MT	○			
NS-209	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製	大森																										NS-209	2375	Jbus	MT	○			
NS-210	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製	大森																										NS-210	2384	Jbus	MT	○			
NS-211	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製	大森																										NS-211	2385	Jbus	MT	○			
NS-212	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製	大森																										NS-212	2386	Jbus	MT	○			
NS-213	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製	大森																										NS-213	2387	Jbus	MT	○			

局番	車台形式	購入年月	配置営業所																									局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
			H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	R5.1	R6.4	R7.3								
NS-289	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								大森																			NS-289	3026	Jbus	MT	○	○		
NS-290	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								大森																			NS-290	3036	Jbus	MT	○	○		
NS-291	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								大森																			NS-291	3051	Jbus	MT	○	○		
NS-292	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								大森																			NS-292	3052	Jbus	MT	○	○		
NS-293	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								大森																			NS-293	3063	Jbus	MT	○	○		
NS-294	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								大森																			NS-294	3064	Jbus	MT	○	○		
NS-295	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								大森																			NS-295	3077	Jbus	MT	○	○		
NS-325	QKG-LV290N1	H29 3	新製																	大森										NS-325	3764	Jbus	AMT	○	○		
NS-402	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製																				大森							NS-402	4064	Jbus	AT	○	○		
NS-403	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製																				大森							NS-403	4076	Jbus	AT	○	○		
NS-404	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製																				大森							NS-404	4083	Jbus	AT	○	○		
NS-405	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製																				大森							NS-405	4097	Jbus	AT	○	○		
NS-406	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製																				大森							NS-406	4104	Jbus	AT	○	○		
NS-430	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製																							大森				NS-430	4453	Jbus	AT	○	○		
NS-431	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製																							大森				NS-431	4465	Jbus	AT	○	○		
NS-432	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製																							大森				NS-432	4472	Jbus	AT	○	○		
NS-433	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製																							大森				NS-433	4479	Jbus	AT	○	○		
NS-434	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製																							大森				NS-434	4481	Jbus	AT	○	○		
NKS-16	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								大森																			NKS-16	3025	Jbus	MT	○	○		基幹2
NKS-17	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								大森																			NKS-17	3035	Jbus	MT	○	○		基幹2
NMS-108	2KG-LR290J3	H31 1-3	新製																				大森							NMS-108	4044	Jbus	AMT	○	○		
NMS-142	2KG-LR290J4	R1 12	新製																					大森						NMS-142	4195	Jbus	AMT	○	○		
NMS-143	2KG-LR290J4	R1 12	新製																					大森						NMS-143	4209	Jbus	AMT	○	○		
NMS-144	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					大森						NMS-144	4214	Jbus	AMT	○	○		
NMS-145	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					大森						NMS-145	4221	Jbus	AMT	○	○		
NMS-146	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					大森						NMS-146	4229	Jbus	AMT	○	○		
NMS-147	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					大森						NMS-147	4235	Jbus	AMT	○	○		
NMS-148	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					大森						NMS-148	4238	Jbus	AMT	○	○		
NMS-149	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					大森						NMS-149	4240	Jbus	AMT	○	○		
NMS-150	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					大森						NMS-150	4241	Jbus	AMT	○	○		
NMS-151	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					大森						NMS-151	4245	Jbus	AMT	○	○		
NMS-152	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					大森						NMS-152	4247	Jbus	AMT	○	○		
NMS-153	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					大森						NMS-153	4248	Jbus	AMT	○	○		
NMS-154	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					大森						NMS-154	4254	Jbus	AMT	○	○		